

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2021/DS-PT  
Ngày 16-11-2021  
V/v Tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Vũ

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tông

Bà Dương Thúy Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã H2, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 219/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Ngô Tấn P**, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 164, đường Bời Lời, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Tấn P: Anh **Diệp Văn C**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số 56, đường số 24 Bời Lời, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đồng bị đơn:

1. Bà **Kiều Thị H**, sinh năm 1955 (chết ngày 29/5/2021).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Kiều Thị H:

1.1. Anh **Ngô Thanh S**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Hòa, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

1.2. Chị **Ngô Thị Mộng T**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Chị **Ngô Thị Ngọc Xuân T1**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: 34/12, Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: ấp Thanh Phước, xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Thanh S, chị Ngô Thị Mộng T: Anh **Trần Văn X**, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số 151, Khu phố 1, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2. Chị **Ngô Thị Ngọc Xuân T1**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: 34/12, Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: ấp Thanh Phước, xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1. Bà **Ngô Thị Ngọc A**, sinh năm 1958;

Địa chỉ: A 3/13 (số mới 61), Đường Phạm Văn Đồng, Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh.

2. Ông **Ngô Tấn H**, sinh năm 1961;

Địa chỉ: 35/9 (số mới 192), Đường H3, Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh.

3. Bà **Ngô Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: A 3/13 (số mới 61), Đường Phạm Văn Đồng, Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh.

4. Bà **Ngô Thị Ngọc L**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: 45/1A (số mới 161), Đường Hùng Vương, Khu phố 4, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh.

5. Ông **Ngô Tấn N**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 279, Đường Phạm Hùng, khu phố Long Thới, phường Long Thành Trung, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh.

6. Ông **Ngô Phú Q**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số 952, đường Cách Mạng Tháng 8, Khu phố 2, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

7. Bà **Ngô Thị Ánh H1**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 35/9 (số mới 192), Đường H3, Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh.

8. Ông **Ngô Tấn V**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 35/9 (số mới 192), Đường H3, Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh.

*Người kháng cáo:* ông Ngô Tấn P, bà Ngô Thị Ngọc A, ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc Đ, bà Ngô Thị Ngọc L, ông Ngô Tấn N, ông Ngô Phú Q, bà Ngô Thị Ánh H1 và ông Ngô Tấn V.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Diệp Văn C trình bày:*

Trước đây ông P là chồng của bà H nhưng hai người đã ly hôn vào năm 1997, còn chị T1 là con gái ruột của ông P và bà H. Sau khi ly hôn thì ông P lập gia đình với người khác.

Cha của ông P là cụ ông Ngô Công T2, sinh năm 1929, chết năm 1996, mẹ của ông P là cụ bà Lê Thị N, sinh năm 1934, chết năm 1998. Cụ Tr và cụ N chết không để lại di chúc. Trong quá trình chung sống, cụ Tr và cụ N có 09 người con chung bao gồm:

1. Ngô Tấn P, sinh năm 1956.
2. Ngô Thị Ngọc A, sinh năm 1958.
3. Ngô Tấn H, sinh ngày 25/9/1961.
4. Ngô Thị Ngọc Đ, sinh năm 1964.
5. Ngô Thị Ngọc L, sinh năm 1965.
6. Ngô Tấn N, sinh năm 1968.
7. Ngô Phú Q, sinh năm 1970.
8. Ngô Thị Ánh H1, sinh năm 1974.
9. Ngô Tấn V, sinh năm 1974.

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa số 87, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh do mẹ ruột của ông P tên Lê Thị N nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn L1 vào ngày 27/02/1970 (hiện ông L1 đã chết). Chứng cứ là “Tờ nhượng Huê lợi và nền phố” có sự chứng thật của Chánh Trị Sự hương đạo Long Phú Phận đạo Đệ ngũ. Việc cụ N mua đất của ông L1 đã trả tiền xong, đến năm 1998 thì cụ N chết, do anh chị em của ông P bận làm ăn nên đến nay vẫn chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà để cho bà Ngô Thị Ngọc A là em ruột của ông P đại diện cho gia đình đi đăng ký vào sổ mục kê năm 2001.

Nay ông P và các anh chị em của ông P yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa số 87, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh là di sản thừa kế của cha mẹ ông P, bà Ngô

Thị Ngọc A, ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc Đ, bà Ngô Thị Ngọc L, ông Ngô Tấn N, ông Ngô Phú Q, bà Ngô Thị Ánh H1 và ông Ngô Tấn V chết để lại và buộc các con của bà H có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng phần đất này để các anh chị em của ông P chia di sản thừa kế. Buộc các con của bà H không được ngăn cản, cản trở việc quản lý, sử dụng và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên.

*- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Thanh S, chị Ngô Thị Mộng T là anh Trần Văn X trình bày:*

Trước đây ông P là chồng của bà H nhưng hai người đã ly hôn vào năm 1997, còn chị T1 là con gái ruột của ông P và bà H. Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp giữa ông P và bà H diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa số 87, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh là do cha chồng của bà H là cụ Ngô Công T2 và mẹ chồng là cụ Lê Thị N tặng cho bà H nhưng đã được bà Ngô Thị Ngọc A là em ruột của ông P đăng ký sổ mục kê mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà A đăng ký thời gian nào thì bà H không nắm rõ nhưng chỉ một mình bà H và các con quản lý, sử dụng phần đất này hơn 40 năm, sau khi biết ông P tranh chấp nhà đất này thì bà H không còn sinh sống trên phần đất này mà về sinh sống với con gái ruột tại khu phố Long Chí, phường Long Thành Trung, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không am hiểu pháp luật nên đến năm 2019, bà H mới đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do có tranh chấp nên chưa làm thủ tục được, đến ngày 29/5/2021 thì bà H chết.

Nay ông P và các anh chị em của ông P yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa số 87, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh là di sản thừa kế của cha mẹ ông P chết để lại và yêu cầu các con của bà H có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng phần đất này để các anh chị em của ông P chia di sản thừa kế thì các con của bà H không đồng ý vì phần đất này cha mẹ chồng đã tặng cho bà H và bà H đã sinh sống trên nhà đất này hơn 40 năm. Các con của bà H yêu cầu Tòa án xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì các con của bà H không đồng ý trả lại nhà đất này cho các anh chị em của ông P.

*- Bị đơn và Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Kiều Thị H là chị Ngô Thị Ngọc Xuân T1 trình bày:*

Chị là con ruột của ông P và bà H nhưng cha mẹ chị đã ly hôn vào năm 1997. Sau khi ly hôn thì cha của chị lập gia đình mới, riêng chị và mẹ chị vẫn sinh sống trên nhà đất này. Sau này lập gia đình chị về sinh sống bên chồng tại ấp Thanh Phước, xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nhưng chị vẫn đi đi về về nhà đất này để chăm sóc mẹ chị và thờ cúng ông bà. Theo chị thì nguồn gốc phần đất đang tranh chấp giữa ông P và bà H diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa số 87, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh do ông bà

nội của chị tặng cho mẹ của chị là bà H và mẹ chị quản lý, sử dụng phần đất này hơn 40 năm, đến ngày 29/5/2021 thì mẹ của chị chết

Nay ông P khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích nêu trên là di sản thừa kế của cha mẹ ông P chết để lại và yêu cầu các anh chị em của chị có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng phần đất này để các anh chị em của ông P chia di sản thừa kế thì chị không đồng ý vì phần đất này do ông bà nội đã tặng cho mẹ chị và chị cũng thường xuyên chăm sóc cho mẹ chị và thờ cúng ông bà trong căn nhà này. Chị T1 yêu cầu ông P và các anh chị em của chị nên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì chị T1 không đồng ý trả lại nhà đất này cho các anh chị em của ông P.

*- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Ngọc A trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông P về nguồn gốc phần đất tranh chấp và quan hệ huyết thống.

Nay bà A yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa số 87, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh là di sản thừa kế của cha mẹ bà A chết để lại và buộc các con của bà H có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng phần đất này để các anh chị em của bà A chia di sản thừa kế. Buộc các con của bà H không được ngăn cản, cản trở việc quản lý, sử dụng và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên.

*- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Tân H trình bày:*

Ông H thống nhất lời trình bày của ông P về nguồn gốc phần đất tranh chấp và quan hệ huyết thống. Nay ông H yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa số 87, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh là di sản thừa kế của cha mẹ ông H chết để lại và buộc các con của bà H có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng phần đất này để các anh chị em của ông H chia di sản thừa kế. Buộc các con của bà H không được ngăn cản, cản trở việc quản lý, sử dụng và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên.

*- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Ngọc Đ trình bày:*

Bà Đ thống nhất lời trình bày của ông P về nguồn gốc phần đất tranh chấp và quan hệ huyết thống. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa số 87, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh là di sản thừa kế của cha mẹ bà Đ chết để lại và buộc các con của bà H có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng phần đất này để các anh chị em của bà Đ chia di sản thừa kế. Buộc các con của bà H không được ngăn cản, cản trở việc

quản lý, sử dụng và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên.

*- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Ngọc L trình bày:*

Bà L thống nhất lời trình bày của ông P về nguồn gốc phần đất tranh chấp và quan hệ huyết thống. Nay bà L yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa số 87, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh là di sản thừa kế của cha mẹ bà L chết để lại và buộc các con của bà H có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng phần đất này để các anh chị em của bà L chia di sản thừa kế. Buộc các con của bà H không được ngăn cản, cản trở việc quản lý, sử dụng và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên.

*- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Tấn N trình bày:*

Ông N thống nhất lời trình bày của ông P về nguồn gốc phần đất tranh chấp và quan hệ huyết thống. Nay ông N yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa số 87, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh là di sản thừa kế của cha mẹ ông N chết để lại và buộc các con của bà H có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng phần đất này để các anh chị em của ông N chia di sản thừa kế. Buộc các con của bà H không được ngăn cản, cản trở việc quản lý, sử dụng và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên.

*- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Phú Q trình bày:*

Ông Q thống nhất lời trình bày của ông P về nguồn gốc phần đất tranh chấp và quan hệ huyết thống. Nay ông Q yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa số 87, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh là di sản thừa kế của cha mẹ ông Q chết để lại và buộc các con của bà H có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng phần đất này để các anh chị em của ông Q chia di sản thừa kế. Buộc các con của bà H không được ngăn cản, cản trở việc quản lý, sử dụng và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên.

*- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Ánh H1 trình bày:*

Bà Ánh H1 thống nhất lời trình bày của ông P về nguồn gốc phần đất tranh chấp và quan hệ huyết thống. Nay bà Ánh H1 yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa số 87, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh là di sản thừa kế của cha mẹ bà Ánh H1 chết để lại và buộc các con của bà H có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng phần đất này để các anh chị em của bà Ánh H1 chia di sản thừa kế. Buộc các con của bà H không

được ngăn cản, cản trở việc quản lý, sử dụng và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Tấn V trình bày:

Ông V thống nhất lời trình bày của ông P về nguồn gốc phần đất tranh chấp và quan hệ huyết thống. Nay ông V yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa số 87, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh là di sản thừa kế của cha mẹ ông V chết để lại và buộc các con của bà H có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng phần đất này để các anh chị em của ông V chia di sản thừa kế. Buộc các con của bà H không được ngăn cản, cản trở việc quản lý, sử dụng và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã H2, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Áp dụng Điều 163, Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 15 Điều 3, Điều 95, Điều 98, khoản 3 Điều 100 và Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tấn P; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị Ngọc A, ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc Đ, bà Ngô Thị Ngọc L, ông Ngô Tấn N, ông Ngô Phú Q, bà Ngô Thị Ánh H1 và ông Ngô Tấn V.

Ông Ngô Tấn P, bà Ngô Thị Ngọc A, ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc Đ, bà Ngô Thị Ngọc L, ông Ngô Tấn N, ông Ngô Phú Q, bà Ngô Thị Ánh H1 và ông Ngô Tấn V được quyền sử dụng một phần đất diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa đất số 87, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh. Phần đất có tứ cận như sau:

- + Đông giáp thửa 86, dài 14,27m;
- + Tây giáp thửa 88, dài 13,87m;
- + Nam giáp thửa 116, dài 4,3m;
- + Bắc giáp đường 20m (bê tông), dài 4,3m.

Và sở hữu một căn nhà tạm, nền gạch tàu, cửa sắt kéo, vách cây, cột kèo đòn tay gỗ xây dựng, mái ngói diện tích ngang 04m x dài 18,4m = 73,6m<sup>2</sup> (Nhà không còn giá trị sử dụng).

**2.** Buộc ông Ngô Tấn P, bà Ngô Thị Ngọc A, ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc Đ, bà Ngô Thị Ngọc L, ông Ngô Tấn N, ông Ngô Phú Q, bà Ngô Thị Ánh H1 và ông Ngô Tấn V có nghĩa vụ liên đới giao lại cho anh Ngô Thanh S, chị Ngô

Thị Mộng T và chị Ngô Thị Ngọc Xuân T1 số tiền 1.032.000.000 (Một tỷ không trăm ba mươi hai triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí do đặc định giá, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/7/2021, ông Ngô Tấn P có đơn kháng cáo không đồng ý cùng liên đới giao lại cho anh Ngô Thanh S, chị Ngô Thị Mộng T và chị Ngô Thị Ngọc Xuân T1 số tiền 1.032.000.000 (Một tỷ không trăm ba mươi hai triệu) đồng.

Ngày 13/7/2021, bà Ngô Thị Ngọc A, ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc Đ, bà Ngô Thị Ngọc L, ông Ngô Tấn N, ông Ngô Phú Q, bà Ngô Thị Ánh H1 và ông Ngô Tấn V có đơn kháng cáo không đồng ý cùng liên đới giao lại cho anh Ngô Thanh S, chị Ngô Thị Mộng T và chị Ngô Thị Ngọc Xuân T1 số tiền 1.032.000.000 (Một tỷ không trăm ba mươi hai triệu) đồng; với lý do đất là của cha mẹ ông P để lại, bà H không sống trên đất, không thực hiện nghĩa vụ gì trên đất, ông P là người đóng thuế. Nếu căn cứ theo Án lệ số 05 để xem xét công sức gìn giữ di sản cho bà H thì cũng chỉ có thể xem xét 01 phần tương đương với 01 kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật (500.000.000 đồng), không phải là 20% giá trị di sản như bản án sơ thẩm đã tuyên. Việc bà H và các con của bà H đăng ký hộ khẩu là không đúng sự thật vì thời điểm bà H và các con bà H đăng ký hộ khẩu thì ông P và bà H đã ly hôn, ông P không còn sống tại địa chỉ trên.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông P, bà Ngọc A, ông H, bà Ngọc Đ, bà Ngọc L, ông N, ông Q, bà Ánh H1 và ông V; sửa bản án sơ thẩm về án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, xét thấy:*

[1] Phần đất tranh chấp diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa số 87, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc do cụ Lê Thị N (mẹ ruột của ông Ngô Tấn P, bà Ngô Thị Ngọc A, ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc Đ, bà Ngô Thị Ngọc L, ông Ngô Tấn N, ông Ngô Phú Q, bà Ngô Thị Ánh H1 và ông Ngô Tấn V) nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn L1 vào ngày 27/02/1970. Khi chuyển nhượng 2 bên có lập “Tờ nhượng Huê lợi và nền phố” có sự chứng thật của Chánh Trị Sự hương đạo Long Phú Phận đạo Đệ ngũ. Ông P, bà H và chị T1 (vợ con của ông P) sống trên đất đến năm 1997, ông P bà H ly hôn, ông P lập gia đình và chuyển đến nơi khác sống. Năm 1998 cụ N chết, bà H



và các con của bà H vẫn tiếp tục sống trên đất cho đến năm 2019 thì bà H về sống với chị T1 tại huyện Châu Thành.

[2] ông P, bà Ngọc A, ông H, bà Ngọc Đ, bà Ngọc L, ông N, ông Q, bà Ánh H1 và ông V thống nhất cho rằng, phần đất tranh chấp là của cụ N, năm 1998 cụ N chết không để lại di chúc, các ông bà lo làm ăn nên chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ để bà Ngô Thị Ngọc A đại diện cho gia đình đã đăng ký vào sổ mục kê năm 2001. Do đó, ông P, bà Ngọc A, ông H, bà Ngọc Đ, bà Ngọc L, ông N, ông Q, bà Ánh H1 và ông V yêu cầu bà H và các con của bà H trả lại phần đất tranh chấp cho anh em ông P.

[3] Bà H và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H cho rằng phần đất trên cụ N đã tặng cho bà H nên bà H và các con đã sống ổn định trên đất hơn 40 năm mà không ai tranh chấp, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc tặng cho đất.

Xét kháng cáo của ông P, bà Ngọc A, ông H, bà Ngọc Đ, bà Ngọc L, ông N, ông Q, bà Ánh H1 và ông V Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất tranh chấp là do cụ N nhận chuyển nhượng từ năm 1970, cụ N chết không để lại di chúc, bà H và các con của bà H cho rằng cụ N đã tặng cho bà H phần đất trên nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ngoài ra năm 2001 bà A Hoa đã đại diện các anh chị em đăng ký vào sổ mục kê. Năm 1997 ông P ly hôn với bà H và lập gia đình sống ở nơi khác. Bà H và chị T1 là người sống trên đất. Năm 1998, cụ N chết, bà H và chị T1 tiếp tục sống trên đất gìn giữ di sản và thờ cúng cụ N hơn 20 năm, do đó tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét chia cho bà H và con bà H công sức gìn giữ di sản thờ cúng tương đương 20% giá trị tài sản tranh chấp là phù hợp. Các đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, không chứng minh được ai là người quản lý sử dụng nhà đất tranh chấp từ khi cụ N mất (năm 1998) cho đến nay, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các đương sự.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Tại cấp phúc thẩm, ông H có đơn xin miễn tiền án phí do ông H là người cao tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 12 của 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với ông H, sửa bản án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngọc Đ, bà Ngọc L, ông Q, bà Ánh H1 và ông V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Ông P, bà Ngọc A, ông H được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 163, Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 15 Điều 3, Điều 95, Điều 98, khoản 3 Điều 100 và Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Tấn P, bà Ngô Thị Ngọc A, ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc Đ, bà Ngô Thị Ngọc L, ông Ngô Tấn N, ông Ngô Phú Q, bà Ngô Thị Ánh H1 và ông Ngô Tấn V.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã H2, tỉnh Tây Ninh về án phí.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tấn P; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị Ngọc A, ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc Đ, bà Ngô Thị Ngọc L, ông Ngô Tấn N, ông Ngô Phú Q, bà Ngô Thị Ánh H1 và ông Ngô Tấn V.

Ông Ngô Tấn P, bà Ngô Thị Ngọc A, ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc Đ, bà Ngô Thị Ngọc L, ông Ngô Tấn N, ông Ngô Phú Q, bà Ngô Thị Ánh H1 và ông Ngô Tấn V được quyền sử dụng một phần đất diện tích 60,4m<sup>2</sup>, thửa đất số 87, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại Khu phố 1, phường L1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh. Phần đất có tứ cận như sau:

- + Đông giáp thửa 86, dài 14,27m;
- + Tây giáp thửa 88, dài 13,87m;
- + Nam giáp thửa 116, dài 4,3m;
- + Bắc giáp đường 20m (bê tông), dài 4,3m.

Và sở hữu một căn nhà tạm, nền gạch tàu, cửa sắt kéo, vách cây, cột kèo đòn tay gỗ xây dựng, mái ngói diện tích ngang 04m x dài 18,4m = 73,6m<sup>2</sup> (Nhà không còn giá trị sử dụng).

Ông P, bà A, ông H, bà Đ, bà L, ông N, ông Q, bà Ánh H1 và ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của Luật Đất đai.

**2.** Buộc ông Ngô Tấn P, bà Ngô Thị Ngọc A, ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc Đ, bà Ngô Thị Ngọc L, ông Ngô Tấn N, ông Ngô Phú Q, bà Ngô Thị Ánh H1 và ông Ngô Tấn V có nghĩa vụ liên đới giao lại cho anh Ngô Thanh S, chị Ngô Thị Mộng T và chị Ngô Thị Ngọc Xuân T1 số tiền 1.032.000.000 (Một tỷ không trăm ba mươi hai triệu) đồng.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

3. Về chi phí đo đạc, định giá: Ông Ngô Tấn P tự nguyện chịu 3.000.000 (Ba triệu) đồng, ghi nhận ông P đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Tấn P và bà Ngô Thị Ngọc A và ông Ngô Tấn H được miễn.

Hoàn trả cho ông Ngô Tấn H số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009453 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H2, tỉnh Tây Ninh.

Bà Ngô Thị Ngọc Đ phải chịu 5.733.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009452 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H2, tỉnh Tây Ninh. Bà Đ còn phải nộp tiếp số tiền 5.433.000 (Năm triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Bà Ngô Thị Ngọc L phải chịu 5.733.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009451 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H2, tỉnh Tây Ninh. Bà L còn phải nộp tiếp số tiền 5.433.000 (Năm triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Ông Ngô Tấn N phải chịu 5.733.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009450 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H2, tỉnh Tây Ninh. Ông N còn phải nộp tiếp số tiền 5.433.000 (Năm triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Ông Ngô Phú Q phải chịu 5.733.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009449 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H2, tỉnh Tây Ninh. Ông Q còn phải nộp tiếp số tiền 5.433.000 (Năm triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Bà Ngô Thị Ánh H1 phải chịu 5.733.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ánh H1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009448 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H2, tỉnh Tây Ninh. Bà Ánh H1 còn phải nộp tiếp số tiền 5.433.000 (Năm triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Ông Ngô Tấn V phải chịu 5.733.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009446 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H2, tỉnh Tây Ninh. Ông V còn phải nộp tiếp số tiền 5.433.000 (Năm triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Tấn P và bà Ngô Thị Ngọc A và ông Ngô Tấn H được miễn.

Hoàn trả cho ông Ngô Tấn H 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009962 ngày 14/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H2, tỉnh Tây Ninh.

Bà Ngô Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009961 ngày 14/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H2, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Bà Ngô Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009960 ngày 14/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H2, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Ông Ngô Tấn N phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009959 ngày 14/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H2, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Ông Ngô Phú Q phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009958 ngày 14/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H2, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Bà Ngô Thị Ánh H1 phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009957 ngày 14/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H2, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Ông Ngô Tấn V phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009956 ngày 14/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H2, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện, thành phố;
- Chi cục THADS huyện, thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Tuấn Vũ**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Diễm.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2020/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Hoàng Tới yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Diễm.

**2. Về con chung:** Chị Nguyễn Thị Diễm tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Đỗ Thị Khánh Ngọc, sinh ngày 01-11-2014, anh Tới tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp cho đến khi con chung thành niên.

Anh Đỗ Hoàng Tới có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Đỗ Hoàng Tới phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003949 ngày 06/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, anh Tới đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Diễm phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004451 ngày 08/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị Diễm đã nộp xong

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện, thành phố;
- Chi cục THADS huyện, thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Vũ**